

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 12- 9 - 2024
V/v: Thực hiện nghĩa vụ trả nợ
trong hợp đồng mua bán hàng
hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quang Tuấn, ông Lưu Đình Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa:** Không

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/ 2024/QĐST- DS ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Đình X; sinh năm: 1954

Địa chỉ: khu phố A L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người được ông Lê Đình X ủy quyền:

Anh Lê Đình V - Sinh năm 1983 (Theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2024).

Địa chỉ: khu phố A L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Ông Vũ Đức Q; sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh Lê Đình V vắng mặt ông Vũ Đức Q (Ông Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/3/2024, ông **Vũ Đức Q** có đến nhà ông để mua lợn. Hai bên đồng ý thỏa thuận giá lợn hơi là 53.000 đồng/ kg (Năm mươi ba nghìn đồng/ 1kg). Ông **X** bán cho ông **Q** 464kg (Bốn trăm sáu mươi tư kilôgam). Ông **Q** bắt lợn lên xe đến lúc thanh toán tiền, ông **Q** có nói vợ ông **Q** đã cầm mất chìa khóa kết hiện không mở được tủ để lấy tiền và có hẹn ông 02 ngày sau sẽ đem tiền đến thanh toán đủ số tiền là 24.592.000 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Sau hai ngày, do không trả được tiền mua lợn nên ông **Q** có viết giấy cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vào ngày 09/4/2024. Đến hạn trả nợ ông **X** đã đòi tiền nhiều lần nhưng ông **Q** không trả tiền.

Nay ông **Lê Đình X** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành buộc ông **Vũ Đức Q** phải thanh toán cho ông số tiền là 24.592.000 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi hai triệu) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, anh **Lê Đình V** trình bày, ngày 27/8/2024 vợ ông **Q** là bà **Tống thị T** đã trả nợ thay ông **Q** số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Nay anh **V** đề nghị rút một phần yêu cầu (Không yêu cầu Tòa án buộc ông **Q** trả số tiền 24.592.000 đồng, mà chỉ yêu cầu ông **Q** trả số tiền là 18.592.000 đồng). Ông **X** không yêu cầu tính tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông **Q** để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và tham gia phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để ông **Q** biết việc ông **X** khởi kiện yêu cầu ông **Q** phải trả tiền mua lợn cho ông **X**, nhưng ông **Q** không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của ông **Q** trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông **Lê Đình X** khởi kiện yêu cầu ông **Vũ Đức Q** trả số tiền là 24.592.000 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi hai triệu) theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông **Vũ Đức Q** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **huyện T, tỉnh Thanh Hóa** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng ông **Q** vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông **Q** và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông **Q** theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Ông **Q** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng ông **Q** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Ông **Vũ Đức Q** cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt ông **Vũ Đức Q**.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại giấy cam kết thể hiện: Ông **Vũ Đức Q** có nợ ông **Lê Đình X** số tiền mua lợn hơi là: 24.592.000 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng). Không có lãi suất. Thời hạn trả nợ đến ngày 09/4/2024 ông **Q** có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho ông **X**. Như vậy đây là cam kết không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, anh **Lê Đình V** rút một phần yêu cầu về tiền gốc (từ số tiền 24.592.000 đồng xuống số tiền 18.592.000 đồng) vì vợ ông **Q** đã trả cho ông **X** số tiền 6.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Yêu cầu của nguyên đơn được rút tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu này của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu trả tiền:

- Về yêu cầu trả tiền gốc: Từ khi viết giấy cam kết đến ngày 27/8/2024 ông **Q** mới trả được cho ông **X** số tiền 6.000.000 đồng. Nay ông **X** đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông **Q** phải trả số tiền còn lại là 18.592.000 đồng, HĐXX thấy: Theo giấy cam kết đến ngày 09/4/2024 ông **Q** sẽ thanh toán hết số tiền nợ cho ông **X**. Đến nay ông **Q** mới trả cho ông **X** được số tiền 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng). Như vậy ông **Q** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy yêu cầu trả số tiền nợ của ông **X** đối với ông **Q** là có cơ sở nên được chấp nhận. Buộc ông **Q** phải trả cho ông **X** số tiền 18.592.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) là đúng quy định của pháp luật.

- Về tiền lãi: Ông **X** không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của ông **X** nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu của ông **Lê Đình X** được chấp nhận nên ông **Vũ Đức Q** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 351; 352; 357; 468; Bộ luật Dân sự; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của ông **Lê Đình X** đối với số tiền 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu tại phiên tòa của ông **Lê Đình X**.

2. Buộc ông **Vũ Đức Q** phải trả cho ông **Lê Đình X** số tiền 18.592.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày ông **Lê Đình X** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông **Vũ Đức Q** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Ông **Vũ Đức Q** phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 929.600 đ (Chín trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh **Lê Đình V** vắng mặt ông **Vũ Đức Q**. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

